

Bản án số: 502/2026/HS-ST  
Ngày: 23-7-2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Huỳnh Đức

*Thẩm phán:* Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Minh Đức;

Ông Thái Kiến Thuận;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Ẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở B) tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 762/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 6 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4165/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn Q** sinh năm 1996 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: thôn L, xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai (nay là xã I, tỉnh Gia Lai); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần L, sinh năm 1965 và bà Hồ Thị T, sinh năm 1965; bị cáo có vợ tên Trần Tuyết N; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/10/2022 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Ngô Văn L1** (tên gọi khác: Linh N1) sinh năm 1997 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp A, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (nay là xã V, tỉnh An Giang); nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Thanh L2, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1972; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 13/12/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) áp dụng biện pháp

xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 14 tháng, chấp hành xong ngày 25/8/2017 tại Quyết định số 59/QĐ-TA.

- Ngày 13/7/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 119/HS-ST, chấp hành xong án phí ngày 05/9/2023, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/12/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/12/2024 cho đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Trại giam S - Công an Thành phố H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Chí H, là Luật sư Văn phòng L4 Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Trần Đức H1, sinh năm 1978; nơi cư trú: đường N, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Trần Đức A, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: đường N, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Hồ Thị T, sinh năm 1965; nơi cư trú: thôn L, xã I, tỉnh Gia Lai; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 02/9/2020, Trần Văn Q uống rượu cùng với Ngô Văn L1 tại phòng trọ của L1, địa chỉ tại khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến khoảng 17 giờ 50 phút cùng ngày, Q đi về Nhà trọ H3, địa chỉ tại đường N, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau với ông Trần Đức H1 (là chủ nhà trọ H3). Thời điểm này, ông H1 đang uống rượu với anh ruột là ông Trần Đức A và một số người thân tại ki-ô nhà trọ. Thấy vậy, ông Đức A đi lại cự cãi với Q và dùng tay ôm người của Q để can ngăn thì Q vùng vẩy nên cánh tay của ông Đức A gạt trúng vào vùng mặt của Q thì được người dân ở dãy trọ can ngăn.

Sau đó, Q điều khiển xe mô tô hiệu Wave (không rõ biển số) đi đến phòng trọ của L1 và điện thoại cho L1 nói: “Bạn đang đâu vậy, ra trước phòng trọ mình nhờ có chuyện”. Khi gặp L1, Q nói: “Bạn kiếm có ai giúp mình, mình đụng chuyện bên trọ”; L1 biết là Q rủ đi đánh nhau nhưng vẫn đồng ý và đi cùng Q đến nhà trọ H3. Khi đi ngang quán N2, địa chỉ tại khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì L1 thấy đôi tượng tên V (hiện chưa xác định rõ lai lịch) đang ngồi nhậu trong quán cùng 02 nam thanh niên khác nên L1 rủ V cùng đi giúp Q giải quyết mâu thuẫn. V đồng ý và điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở theo 01 người bạn của V; Q chở L1 đi theo sau đến trước dãy Nhà trọ H4, địa chỉ tại đường D, khu phố F, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thì Q, L1 dừng xe ngoài đường,

V xuống xe đi vào nhà trọ lấy ra 03 dao kim loại tự chế đưa cho Q 01 dao dài khoảng 50cm còn Vũ giữ 02 dao rồi cả nhóm điều khiển xe cùng đi đến Nhà trọ H3.

Đến khoảng 19 giờ 43 phút ngày 02/9/2020, khi Q, L1, V và bạn của V đi đến nhà T thì cả nhóm nhìn thấy ông Đức A đang ngồi trên ghế đá phía trước ki-ốt nên Q cầm dao xông đến và chém 01 nhát từ trên xuống vào người của ông Đức A, ông Đức A đưa tay trái lên đỡ thì bị chém trúng vào cẳng tay trái; ông H1 từ trong nhà trọ chạy ra giữ tay của Q còn ông Đức A bỏ chạy thì L1 giật dao từ tay của Q đuổi theo chém 01 nhát trúng vào vùng mặt bên phải của ông Đức A. Khi ông H1 buông tay của Q ra thì bị V cầm dao rượt đuổi chém 01 nhát trúng vào vùng đỉnh trán trái, ông H1 ngã xuống nền đất thì V tiếp tục chém 01 nhát trúng vào mạng sườn bên phải. Cùng lúc này, đối tượng nam là bạn của V cầm dao chém 01 nhát trúng vào vành tai trái của ông H1. Lúc này, do có nhiều người trong dãy trọ chạy lại can ngăn nên Q, L1, V và đối tượng nam bạn của V lên xe mô tô bỏ chạy khỏi hiện trường. Ông H1 và ông Đức A bị thương tích nặng được người dân đưa đến Bệnh viện cấp cứu.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 517 ngày 29/10/2020 của Trung tâm P - Sở Y tế tỉnh B kết luận thương tích của ông Trần Đức H1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương đỉnh trán trái 8,5cm x 03cm, sọc lành. Lún sọ hở đỉnh trán trái 03 x 0,1 cm;

- Vết thương mặt sau vành tai trái 3,5cm x 0,2cm, sọc lành;

- Vết thương vùng mạn sườn phải 15cm x 0,2cm, đứt xương sườn 8, 9, 10, 11, 12 phải, thấu ngực - bụng rách cơ hoành phải, rách gan phân thùy VII, đã phẫu thuật khâu cơ hoành phải, khâu gan, dẫn lưu màng phổi phải, vết mô giữa bụng trên rốn 16,5cm x 0,5cm, vết dẫn lưu màng phổi phải 1,5cm x 0,5cm, sọc lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 60%.

+ Cơ chế hình thành vết thương:

- Vết thương đỉnh trán trái, lún sọ hở đỉnh trán trái: Chiều từ trước ra sau, hướng từ trên xuống, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

- Vết thương mặt sau vành tai trái: Chiều nằm ngang, hướng từ sau tới, bờ tương đối gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

- Vết thương vùng mạn sườn phải: Chiều nằm ngang từ trước ra sau, hướng từ phải sang trái, bờ sắc gọn khả năng do vật sắc gây ra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 539 ngày 11/11/2020 của Trung tâm P - Sở Y tế tỉnh B kết luận thương tích của ông Trần Đức A như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Chấn thương đầu: Sưng nề, xây xát nát má phải, trán đã lành. Vết thương cằm trái 0,5cm x 0,3cm, sẹo lành. Gãy thân răng R11, 21, 22, chưa lắp răng giả.

- Vết thương mặt sau trong 1/3 dưới cằm tay trái 15,5cm x 0,5cm, đứt gân duỗi cổ tay trụ, đứt bán phần gân gấp cổ tay trụ, đứt cơ duỗi chung các ngón, đã phẫu thuật nối gân cơ, còn hạn chế vận động, sẹo mổ 07cm x 0,6cm, sẹo lành.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 14%.

+ Cơ chế hình thành vết thương:

- Sưng nề, xây xát má phải, trán: Hiện đã lành, không còn dấu tích nên không xác định được cơ chế hình thành thương tích.

- Vết thương cằm trái, gãy chân răng R11, 21, 22: Sẹo chiều từ dưới lên, hướng từ trái sang phải, bờ không rõ, khả năng do vật tày gây ra.

- Vết thương mặt sau trong 1/3 dưới cằm tay trái: Sẹo hình vòng cung, hướng từ sau ra trước, bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

\* Về trách nhiệm dân sự: bà Hồ Thị T là mẹ ruột của bị cáo Trần Văn Q đã bồi thường cho ông Trần Đức H1 số tiền 6.000.000 đồng, ông H1 không yêu cầu gì thêm; ông Trần Đức A không có yêu cầu bồi thường.

Tại Cáo trạng số 18/CT-VKS-P2 ngày 04 tháng 5 năm 2026, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Trần Văn Q và Ngô Văn L1 về các tội “Giết người”, “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung:* Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai các bị hại, kết luận giám định, kết quả trích xuất dữ liệu camera an ninh tại hiện trường vụ án và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra thể hiện trong hồ sơ vụ án. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Văn Q và Ngô Văn L1 về các tội “Giết người”, “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123; điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Các bị cáo đã thành niên đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Giữa bị cáo Q và các bị hại có mâu thuẫn cãi nhau nhưng nhỏ nhặt, bị cáo lại rủ rê bị cáo L1 và các đồng phạm khác sử dụng dao tự chế chém vào vùng đầu là vùng trọng yếu của ông H1, ông A, có thể dẫn đến chết, việc các bị hại không chết là nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo Q có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Bị cáo L1 có nhân thân xấu đã từng 01 lần bị Tòa án xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” và 01 lần Tòa án

đưa đi cai nghiện bắt buộc. Bị cáo Q là người chủ mưu và cùng là người thực hành với bị cáo L1.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Gia đình bị cáo Q đã bồi thường cho ông H1 6.000.000 đồng, cha bị cáo Q là người có công với cách mạng, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Ngô Văn L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm hình sự: Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện nội dung vụ án, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, thái độ khai báo của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q. Xử phạt bị cáo Q mức hình phạt từ 13 năm đến 15 năm tù về tội “Giết người”, 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 15 năm 06 tháng đến 18 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn L1, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 12 năm đến 14 năm tù về tội “Giết người”, từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; tổng hợp hình phạt từ 14 năm đến 16 năm 06 tháng tù.

\* Về trách nhiệm dân sự: Mẹ của Trần Văn Q là bà Hồ Thị T đã bồi thường cho ông Trần Đức H1 số tiền 6.000.000 đồng. Ông Trần Đức H1 và ông Trần Đức A không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

\* Về xử lý vật chứng: không xem xét.

Đối với đối tượng V và nam thanh niên đi cùng (là 02 đối tượng đã trực tiếp cung cấp hung khí và thực hiện hành vi chém ông H1 và ông Đức A), Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu liên quan đến nhân thân, lai lịch. Tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa xác định được nên khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

\* Bị cáo Trần Văn Q đồng ý luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận và không đề nghị Luật sư bào chữa trình bày bào chữa cho bị cáo.

\* *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn L1 trình bày bào chữa*: Thống nhất cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cũng như vai trò của bị cáo trong vụ án để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

\* Bị cáo Ngô Văn L1 thống nhất trình bày bào chữa của Luật sư và không tranh luận bổ sung.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hồ Thị T trình bày:* Bà T tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo Trần Văn Q và không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền này.

*Các bị cáo trình bày lời nói sau cùng:* các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo sớm trở về với gia đình, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị hại ông Trần Đức A và ông Trần Văn H2 vắng mặt (ông H2 có đơn xin vắng mặt). Tuy nhiên, trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai của những người này và đã được công bố tại phiên tòa, các bị hại vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác và đề nghị của Viện kiểm sát, xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về nội dung: tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các kết luận giám định, lời khai của các bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: ngày 02/9/2020, tại khu vực trước nhà trọ H, địa chỉ ở đường N, khu phố D, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, do có mâu thuẫn nhỏ nhặt với ông Trần Đức H1 nên bị cáo Trần Văn Q rủ bị cáo Ngô Văn L1, bị cáo L1 rủ thêm đối tượng tên V và 01 đối tượng nam (chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) sử dụng dao chém ông H1 và ông Trần Đức A gây thương tích. Trong đó, đối tượng V cầm dao chém vào vùng đầu của ông H1 gây lún sọ, chém vào sườn phải làm đứt xương sườn, thấu ngực bụng rách cơ tỷ lệ tổn thương cơ thể 60%, là hành vi gây nguy hiểm đến tính mạng của ông H1. Đối với ông Đức A bị bị cáo Q dùng dao chém trúng cẳng tay trái, bị cáo L1 dùng dao chém vào vùng mặt, gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 14%.

Các bị cáo Trần Văn Q và Ngô Văn L1 có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Giết người”, “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123, Điều 15, điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm

2017). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Trần Văn Q và Ngô Văn L1 với tội danh, điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của các bị hại. Về nhận thức, các bị cáo nhận thức được hành vi sử dụng hung khí nguy hiểm là dao để chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể các bị hại là gây nguy hiểm đến tính mạng các bị hại nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả xảy ra. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện nhằm có tác dụng giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp. Bị cáo Trần Văn Q là người rủ bị cáo L1, bị cáo L1 là người rủ V và người bạn của V (chưa rõ nhân thân, lai lịch) thực hiện hành vi phạm tội. V là người trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại Trần Văn H2, các bị cáo Q, L1 là người trực tiếp gây ra thương tích cho bị hại Trần Đức A. Bị cáo L1 có nhân thân, đã từng bị Tòa án xử phạt vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và bị Tòa án xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Trần Văn Q đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Trần Văn H2 số tiền 6.000.000 đồng, cha bị cáo là ông Trần L3 là người có công với cách mạng. Do đó, bị cáo Q được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo L1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: các bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự, đây là sự tự nguyện của các bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Đối với đối tượng V và 01 nam thanh niên có hành vi chém ông H2 và ông Đức A gây thương tích, quá trình điều tra do chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng trong vụ án không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn L1 về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Về tội danh, áp dụng điều luật và hình phạt:

1.1 Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”; 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/10/2022.

1.2 Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Ngô Văn L1 13 (mười ba) năm tù về tội “Giết người”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt của 2 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2024.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Các bị cáo Trần Văn Q và Ngô Văn L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (vụ GDKT 1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Viện Công tố và KSXX phúc thẩm tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Trại tạm giam Số 2 - Công an TP.HCM;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM;
- Phòng PV06 - Công an TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT. 20 (54).

**Nguyễn Huỳnh Đức**